

Bản án số: 100/2022/DS-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thuận.

2. Ông Trần Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thị Bảo Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Chí C.**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 150/4, đường Bời Lời, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt).

*** Bị đơn:** Bà **Lê Thị Lệ Th.**, sinh năm 1953 và anh **Lê Tấn D.**, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Số 21/17, đường Âu Cơ, hẻm 60, khu phố HĐ, phường HT, thị xã HT, tỉnh TN (Bà Th., anh D. đều vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 31/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Chí C. trình bày:

Bà Lê Thị Lệ Th. là mẹ ruột của anh Lê Tấn D., anh chỉ quen biết với bà Th., anh D. và không có họ hàng gì. Ngày 08/7/2019, anh cho bà Th., anh D. vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng (từ ngày 08/7/2019 đến ngày 08/01/2020), lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng, mục đích bà Th., anh D. vay tiền của anh để thanh toán các khoản vay đã đến hạn của bà Th. tại Ngân hàng Kiên Long – chi nhánh tỉnh TN. Khi vay tiền, bà Th., anh D. có viết giấy nợ cho anh nhưng không có thể chấp tài sản gì. Kể từ thời điểm vay tiền đến nay thì bà Th., anh D. không trả bất kỳ khoản tiền lãi và cũng không tất toán khoản tiền gốc cho anh. Ngoài ra, do quá trình quen biết và làm ăn với nhau nhiều lần trước đây, nên sau khi bà Th., anh D. vay khoản tiền ngày 08/7/2019 thì đến ngày 13/8/2019, bà Th., anh D. tiếp tục vay của anh số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 13/8/2019 đến ngày 09/02/2020), thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, mục đích bà Th., anh D. vay tiền cũng là để thanh toán các khoản vay đã đến hạn của bà Th. tại Ngân hàng Kiên Long – Chi nhánh tỉnh TN. Khi vay, bà Th., anh D. cũng không thể chấp tài sản gì cho anh và có viết giấy nợ cho anh. Sau nhiều lần, anh yêu cầu bà Th., anh D. trả nợ nhưng bà Th., anh D. cố tình tránh né nên anh khởi kiện yêu cầu bà Th. và anh D. trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền nợ vay ngày 08/7/2019 và yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 10/8/2019 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ việc và yêu cầu bà Th. và anh D. trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền nợ vay ngày 13/8/2019 và yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 14/10/2020 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ việc. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 17/8/2022, anh C. thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Anh C. yêu cầu bà Th. và anh D. trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền nợ vay ngày 08/7/2019 và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 09/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật và yêu cầu bà Th. và anh D. trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền nợ vay ngày 13/8/2019, yêu cầu tính tiền lãi tính từ ngày 14/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Lê Thị Lệ Th. và anh Lê Tấn D. đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia các buổi làm việc, hòa giải, xét xử, việc vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến, xem như bà Th., anh D. từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Chí C.. Buộc bà Lê Thị Lệ Th. và anh Lê Tấn D. có nghĩa vụ trả cho anh C. số tiền vay gốc 30.000.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Lệ Th. và Lê Tấn D. phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Lệ Th. và anh Lê Tấn D. nợ anh Nguyễn Chí C. 02 khoản tiền, cụ thể: Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 08/7/2019 giữa người vay là bà Th. và anh D. thể hiện bà Th., anh D. có vay của anh C. số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/01/2020. Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 13/8/2019 bà Th., anh D. có vay của anh C. số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/02/2020. Anh C. trình bày, bà Th., anh D. vay tiền của anh là để trả nợ cho các khoản vay của bà Th., anh D. tại Ngân hàng Kiên Long. Cả 02 lần vay tiền thì bà Th., anh D. đều không thể chấp

tài sản gì nhưng đều có viết giấy nhận nợ cho anh C.. Khi đến hạn trả nợ nhưng bà Th., anh D. không trả và nhiều lần tránh né nên anh khởi kiện yêu cầu bà Th., anh D. trả lại tổng số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do bà Th., anh D. không thanh toán số tiền nợ theo giấy nhận nợ ngày 08/7/2019 và giấy nhận nợ ngày 13/8/2019 nên đã vi phạm nghĩa vụ và xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh C.. Ngày 17/8/2022, anh C. thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, anh C. khởi kiện yêu cầu bà Th., anh D. có trách nhiệm trả tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Xét về nghĩa vụ thanh toán tiền lãi thấy rằng, việc vay tiền giữa anh C. và bà Th., anh D. là có thật vì khi vay tiền bà Th., anh D. có viết giấy nợ cho anh C.. Anh C. trình bày hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 06 tháng kể từ ngày vay tiền và hạn cuối cùng trả nợ của khoản vay ngày 08/7/2019 là ngày 08/01/2020 và hạn cuối cùng trả nợ của khoản vay ngày 13/8/2019 là ngày 09/02/2020, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng nhưng trong cả 02 giấy nhận nợ đều không thỏa thuận lãi suất cụ thể nên đây được xem là hợp đồng có kỳ hạn và không có lãi nên lãi suất được tính là 0,83%/tháng. Như vậy, tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi của khoản vay 15.000.000 đồng ngày 08/7/2019 (tính tiền lãi từ ngày 09/01/2020 đến ngày 22/9/2022) là 32 tháng 13 ngày: $15.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 4.038.000 \text{ đồng}$.

Tiền lãi của khoản vay 15.000.000 đồng ngày 13/8/2019 (tính tiền lãi từ ngày 14/10/2020 đến ngày 22/9/2022) là 23 tháng 08 ngày: $15.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 23 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} = 2.896.700 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng tiền nợ gốc và nợ lãi mà bà Th., anh D. phải trả cho anh C. là $30.000.000 \text{ đồng} + 4.038.000 \text{ đồng} + 2.896.700 \text{ đồng} = 36.934.700 \text{ đồng}$ (Ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm đồng).

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT là phù hợp với các tình tiết, chứng cứ và nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th., anh D. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Nguyễn Chí C. đối với bà Lê Thị Lệ Th. và anh Lê Tấn D..

Buộc bà Lê Thị Lệ Th. và anh Lê Tấn D. có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Chí C. số tiền 36.934.700 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày anh C. có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Th., anh D. không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Th., anh D. còn phải trả cho anh C. số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th., anh D. phải chịu 1.847.000 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh C. 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009532 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1
- TAND tỉnh TN.
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- VKSND thị xã HT;
- CC.THADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân